

Mật Tạng Bộ 1 _ (Tr.704 _ Tr.713)

TÔ TẤT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP QUYỂN THỨ NHẤT

Phạn Hán: Tam Tạng Pháp Sư THIÊN VÔ ÚY
Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Dịch Phạn Chú: HUYỀN THANH

Quy mệnh chư Như Lai
Và Pháp, chúng Bồ Tát
Liên Hoa, Kim Cang Bộ
Cùng các hàng quyến thuộc
Nay Ta y Giáo nói
Pháp Trì Tụng Cúng Dường
Lược thông cả ba Bộ
Lần lượt được tương ứng
Trước xem nơi **Thần Thất**
Sau nói các Pháp Sư
Khi thọ được Chân Ngôn
Và làm các Ấn Pháp
Ra vào ở bên ngoài
Pháp chia đất Tẩy Tịnh
Quét dọn nơi Thần Thất
Trừ bỏ các hoa héo
Làm sạch để cúng dường
Sau đó đi tắm gội
Trước là **Tam Ma Gia** (Samaya_ Bản Thệ)
Cột trói các chướng nạn
Tịch Trì và **Hộ Thân**
Nước sạch làm trong sáng
Tắm gội tự **Quán Đảnh**
Vốc nước hiến ba lần
Đến nơi cửa Thần Thất
Thay áo **rảy thân** Pháp
Vào Thất và lễ bái
Pháp **Cúng Vật** đầy đủ
Tràng chuỗi và Thần Tuyến
Vòng cổ, năm thứ tịnh (của con bò)
Dâng hiến nước **Ú Già** (Argha)

Và an đặt Tòa ngò
Sau quán Tam Ma Gia (Samaya)
Pháp trừ thân chướng nạn
Tịch Trừ với Khử Cấu (trừ bỏ dơ bẩn)
Pháp **Quang Trạch** thanh tịnh
Hộ Thân và Kết Giới
Tám phương cùng trên dưới
Trước nên tưởng Thần Thất
Pháp **Quán Niệm Bản Tôn**
Tiếp theo nơi chốn ở
Pháp **Phụng Thỉnh Bản Tôn**
Dùng **Bản Tôn Chân Ngôn**
Mời thỉnh Bản Tôn xong
Liên Trì Khiển Tòng Ma
Rồi dâng hiến Pháp Tòa
Sau quán Tam Ma Gia (Samaya)
Liên dâng nước Ứ Già
Tắm Tôn và dâng áo
Lại hiến hoa, hương xoa
Hương đốt, thức ăn uống
Pháp cúng dường Đèn Sáng (Nhiên Đăng)
Chân Ngôn và Thủ Ấn
Pháp **Vận Tâm Cúng Dường**
Ngợi khem và sám hối
Hộ Bản Tôn và mình
Cùng hộ nơi chốn tu
Lại kết Pháp Đại Giới
Bày đủ Bạt Chiết La (Vajra:Chày Kim Cương)
Cùng xâu chuỗi, các Pháp
Phần Chân Ngôn đầy đủ
Lại Pháp **Ngồi trì tụng**
Cầu xin các ước nguyện
Cùng hộ chỗ niệm tụng
Pháp **Hồi Hương Công Đức**
Khởi Pháp **Phát Nguyện lớn**
Cùng hiến nước Ứ Già
Pháp Hương xoa, hương đốt....
Lại quán Tam Ma Gia
Hộ thân ta và người
Giải các chỗ Kết Giới
Sau làm Pháp **Phát Khiển**

Hộ Ma , các chi phần
Là **Lư, Thần** và **Đất**
Pháp **Thiền đốt** đầy đủ
Chuyển đọc Kinh Phương Quảng
Và làm Pháp **Chế Để** (Caitye:Tháp.Đây là Pháp **ấn tạo Tháp cúng**
dường)

Sau lại quán Từ Bi
Pháp **Suy nghĩ sám niệm**
Theo thứ tự như đây
Nay Ta lược nói đủ

_ **Thấy nơi Thần Thất** tức là vào Mạn Đà La (Maṇḍala: Đàn Tràng) rải hoa. Hoa rơi vào Vị nào thì Vị đó là Bốn Tôn.

_ Nói **Sự Pháp** là được Tối Thắng Thọ Minh Quán Đảnh, vâng theo A Xà Lê (Acarya: Đạo Sư) ấn khả truyền Pháp Quán Đảnh cho đến làm Pháp Tức Tai Các Pháp Quán Đảnh khác.

_ **Đối thọ Chân Ngôn và Thủ Ấn** tức là người Thọ Pháp tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, ở chỗ trong sạch đó quỳ dài cung kính đối trước A Xà Lê , gần gũi thọ Chân Ngôn và Thủ Ấn. Thời A Xà Lê tụng trước ba biến tồ truyền cho Đệ Tử. Đệ Tử thọ rồi tự tụng ba biến, sanh lòng hoan hỷ sâu xa, cúi lạy làm theo. Đây là tùy sức bày biện cúng dường A Xà Lê, giảng giải Pháp xong mới có thể theo thứ tự niệm tụng

_ **Ra ngoài, vào Thất** tức là sáng chiều làm xong , đi vào các chỗ dơ uest đều dùng **Thọ Xúc Phần Nộ Chân Ngôn** mà hộ thân. Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, câu lộ đà na, hồng, nhạ

OM KRODHANA HUM JJAḤ (?JAḤ)

Ấn Tướng : Tay phải nắm lại thành Quyền, duỗi thẳng ngón cái hộ năm chỗ là Đảnh, hai vai, tim, cổ.

_ **Chia đất thanh tịnh** là dùng năm cục đất chà nơi hạ bộ, dùng ba cục chà nơi tiểu tiện, dùng ba cục chà tay trái, dùng bảy cục chà hai tay. Nếu chưa được sạch thì dùng ý mà chà rửa cho đến khi sạch thì thôi. Ba cục dùng Thọ Xúc Chân Ngôn và Thủ Ấn ấn đất trì tụng một biến cho đến bảy biến, sau đó mới dùng. Lại dùng Chân Ngôn mà rưới vẩy nơi thân. Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm , Thuật rô đế, sa bà lạc đế, đà la ni, hồng, hạ

OM 'SRUTI SRTI (?SMṚTI) DHARAṆI HUM HAḤ

Ấn Tướng: Ngửa lòng bàn tay phải duỗi thẳng năm ngón, hở rộng các kẽ tay, co lóng giữa của ngón vô danh vào lóng bàn tay, ngón cái đè nơi gốc ngón trở hướng về phía trước, đây là Pháp **Rải Nước**. Hướng về phương Đông ngồi Tông Cứ (Ngồi Xổm) hai tay để ở nơi đầu gối, đây là **Vốc Nước** kkhông co có bọt, không để phát ra tiếng động, uống ba hớp sau đó dùng tay lấy nước rửa

môi miệng . Lấy lưỡi rà trong miệng, xúc miệng cho sạch căn dơ, sau đó uống nước. Lại kết Ấn và tụng Chân Ngôn, trước tiên chạm 2 mắt, miệng, tai, mũi, 2 vai, yết hầu, trái tim, đánh thành **Hộ Thân** , các căn thanh tịnh.

_ **Quét dọn Thần Thất** : Tức là tùy theo chỗ thành tựu và việc sai khác cùng điều ấy tương ứng chọn nơi chốn vừa ý , đất không có chướng ngại. Trừ bỏ Phạ Nhĩ La, trùng, ngói, hang hố, xương cốt, lông tóc, tro than.... Đào đất trừ bỏ các đất dơ bẩn, lấy đất sạch đổ xuống rồi lấp đầy, trên đất đó làm cái Thất chắc chắn, bí mật mà làm, không cho gió lọt vào. Cửa thất hướng về Đông, hoặc Bắc hoặc Nam tùy theo việc. Làm Thần Thất xong , lấy phân bò mà xoa tô , dùng nước sạch rửa vẩy hoặc dùng hương xoa pha nước sạch, tụng Chân Ngôn mà xoa tô nơi đất.

ॐ म् (सुखं कुरुते) सर्वं तत्परात्मनः ॐ श्रीं श्रीं मन्
वन् वन् मन् मन् मन् मन् वय वय वदमन्
संस्तुते नमो मन् (सुखं) वं सुद

Na măn sa đễ lệ đã nễ vĩ ca nan. Tát ra phạ đất tha nghiệt đa nan. Âm , vĩ ra nhi, vĩ ra nhi, ma ha tát ngật ra, nhật rị, tát đa tát đa, ta ra đễ ta ra đễ, đát ra dĩ đát ra dĩ, vĩ đà măn ninh, tam bạn nhạ ninh, đa ra măn đễ, tát bà nhật lệ, đát lam, soa ha

NAMA (?NAMAḤ) STRIDVIKANAM SARVA TATHAGATANAM
AM VIRAJI VIRAJI , MAHA CAKRA VAJRI , SATA SATA ,
SARATE SARATE, TRAYE (?TRAYI) TRAYI , VIDHAMANI
SAMBHAMJANI TARAMATI (? TRAMATI), SIDDHA AGRI TRAM
(?TRAM) SVÀHÀ

_ Hoặc có khi quên mất pháp tắc bị sai lầm , phạm Tam Ma Gia (Samaya) mỗi ngày thường tụng Chú này 3 biến, 7 biến, 108 biến hay trừ lỗi đó.

_ **Bỏ hoa héo** : Cúng dường hoa xong, trước tiên tụng Chú này rồi bỏ hoa
ॐ (सुखं मन् सुखं तदन् सुद

Úm, tháp vĩ đễ, ma ha tháp vĩ đễ , khư na ninh, soa ha
OM 'SVITE MAHA 'SVITE KHADANE SVÀHÀ

_ Lại nói Chân Ngôn quét dọn đất :
ॐ ह्रीं ह्रीं [सुखं ह्रीं(मयं) सुद

Úm , ha ra ha ra, ra khư nghĩ ra, hạ ra na đã, soa ha
OM HÀRA HÀRA RAJOGRAHÀRINIYA (? RAJO AGRA

AHÀRIṆYA) SVÀHÀ

_ Lại nói Chân Ngôn tô đắp đất:
ॐ कर्ण्ड मन् कर्ण्ड सुद

Úm , yết ra lệ, ma ha yết ra lệ, soa ha
OM KARÀLE MAHA KARÀLE SVÀHÀ

Trước quét dọn Thần Thất, trừ bỏ hoa héo, rửa sạch các vật đựng đồ cúng dường, sau đó mới tắm gội.

Khi đến nơi tẩm gội trước tiên dùng Chú và Ấn này hộ các vật cúng dường rồi mới có thể đến.

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ

Úm , thi khư ra, phạ nhật rị, ám

OM 'SIKHIRA VAJRI AM

Ấn Tượng: Tay phải nắm lại thành quyền. Duỗi thẳng ngón cái, ngón trỏ sao cho 2 ngón chạm nhau và đụng vào vật cúng dường mà gia trì

_ Trước tiên tác **Tam Ma Gia** (Samaya) : Tức là trước khi làm Pháp phải tác Tam Ma Gia , sau đó hộ thân làm các việc.

_ Lại nói Tam Ma Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn.

.) Đầu tiên là **Phật Bộ Chân Ngôn**:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, đát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha

OM TATHAGATA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cạng bàn tay chạm nhau, hơi co lỏng trên của 2 ngón trỏ. Đây là

Phật Bộ Tam Ma Gia Ấn

.) Tiếp nói Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm , bát na mô na bà phạ dã, soa ha

OM PADMA DBHAVAYA (? PADMA UDBHAVAYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay. 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co. Đây là

Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn

.) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Ấn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, phạ nhật lộ na bà phạ dã, soa ha

OM VAJRA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái , ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cổ Kim Cang) . Đây là **Kim Cang Tam Muội Gia Ấn**.

_ Lại **cột trói các nạn** : Tức dùng Quân Trà Lợi Thủ Ấn Chân Ngôn cột trói các nạn.

Ấn Tượng: Tay trái để trên bắp tay phải, ngón cái vịn trên móng ngón út, 3 ngón kia duỗi như chày Kim Cang ba chia. Sau dùng tay phải để trên bắp tay trái , cũng đem ngón cái vịn móng ngón út, duỗi 3 ngón kia như chày ba chia. Hướng mặt về phương Đông rồi ngồi, co gối trái vươn tới trước, chân phải thẳng ngang cách chân trái 2 thước (Thước Tàu) , bàn chân để ngang bắm xuống đất, bậm mọi bên mép phải, trợn mắt nhìn qua trái, tưởng thân của mình

(tự thân) như Quân Trà Lợi (AmṛtaKuṇḍali_ Cam Lộ Quân Trà Lợi) , tụng Chân Ngôn

ॐ नमो रत्नत्रयै नमो वज्र क्रोधयै मम यक्ष
मम यक्ष नमो वज्र क्रोधयै संक्रुद्धयै श्रीवयै मम
सुमौ सुष्ठु पश्चि कश्चयै गच्छेत् उं श्रीगुरुभ्यो नमो नमो
नमो नमो नमो नमो वज्र वज्र नमो नमो गुरु गुरु
वक्रुद्धयै वक्रुद्धयै मम वक्रुद्धयै मम गुरुभ्यो नमो नमो
नमो नमो नमो

Năng mô ra đất năng đất ra dạ dã

Năng măn thất chiến nũa phạ nhật ra tri ninh duệ, măn ha dước khất sai, tế năng bát đa duệ

Năng mô phạ nhật ra cú lộ đà dạ, năng sắt tra lộ đất kiết tra bà dã, bội ra phạ dã, a tỳ, mâu tát la , bát ra thú, bả xả ha ta da dã.

Đát diệt tha : Úm, ám mật lật đa quân nũa li, khư khư, khư khư, khư hế khư hế, để sắt xá đả sắt xá, măn đà măn đà, hạ năng hạ năng, nghiệt ra nhạ nghiệt ra nhạ, vi sa phổ tra vi sa bố tra dã, tát ra phạ vĩ cận năng, vĩ cận năng dã kiếm, ma ha da ninh bát để , nhĩ vĩ đán đa, ca ra dã, hồng , phẩn tra (Tụng 7 biến)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMA (?NAMAḤ) ‘SCAṆḌA VAJRAPÀṆIYE MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHAYA DAMṢṬRATKOṬA
(?DAMṢṬROTKAṬA) BHAYA BHAIKAVAYA ASI MUMARA
(?MUSARA) PRA’SU (?PARA’SU) PA’SÀ (?PÀ’SÀ) HASTAYA
(?HASTÀYA)

TADYATHÀ: OM AMṚTAKUṆḌALI KHAKHA KHAKHA KHAHI
KHAHI TIṢṬA TIṢṬA BANDHA BANDHA HÀNA HÀNA (?HANA
HANA) GARJA GARJA VISPHÀṬAYA VISPHÀṬAYA (?VISPHOṬÀYA
VISPHOṬÀYA)_ SARVA VIGHNA (?VIGHNÀṀ) VIGHNAYAKAM
(?VINAYAKÀNA) MAHÀ GAṆAPATI JIVITAMṬAKARAYA (?JIVITA
ANTAKARÀYA) HÙM PHAṬ

Chân Ngôn này, sau câu **măn đà măn đà** (Bandha bandha) dùng 2 tay, 3 ngón (ngón cái đè trên móng ngón giữa và ngón vô danh) nắm lại thành quyền, các ngón vịn nhau (duỗi ngón trở và ngón út, hơi co) thì các nạn liền bị cột trói.

_ Lại Pháp **tắm gội**: Để làm sạch thân, nên lấy đất sạch chia làm 3 phần (Có thể dùng 3 cục xà phòng thơm) dùng Chân Ngôn Thủ Ấn, trì tụng Chân Ngôn:

उं नमो वसुधै कुरु

Úm, ninh khư nan, phạ tô đề, soa ha

OM NIKHANA VASUDHE SVÀHÀ

Ấn Tướng: Hai tay cài chéo nhau, các ngón vịn ở lưng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón trở dựa nhau, dựng thẳng 2 ngón cái vịn bên cạnh 2 ngón trở. Dùng Ấn này chạm vào cục đất, tụng Chân Ngôn, sau đó mới lấy

_ Lại **Tịch Trừ** (Xua đuổi): Phàm làm các việc, trước cần Tịch Trừ, sau đó mới có thể làm. **Tịch Trừ Chân Ngôn** là:

ॐ वज्रय ॐ न न व न म व ॐ मय मय ॐ
ॐ

Năng mô phạ nhật ra dã, hồng, hạ năng, đậu năng, mãn tha, vĩ đá bằng ta du, ta ra dã, hồng, phẩn tra (Tụng 7 lần)

NAMO VAJRAYA (?VAJRÀYA) HÙM HANA DHUNA MADHA (?MATHA) VIDHVAMSAYU (?VIDHVAMSAYA) SARAYA (UDSARÀYA) HÙM PHAT

Ấn Tướng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay, ngón giữa ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trở dựa bên lóng giữa của ngón giữa, co ngón út dựa bên lóng giữa của ngón vô danh, duỗi cánh tay để trên đỉnh, quay theo bên phải 3 vòng và ấn 5 nơi trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình Phạ Nhật Ra (Vajra:Chày Kim Cương) để bên hông, chân đứng như Pháp trên. Đây là **Tịch Trừ Ấn**

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ वज्र त्र ॐ ॐ

Úm, phạ nhật ra, đa ra, hồng, phẩn tra

OM VAJRA TARA (?TÀRA) HÙM PHAT

Ấn Tướng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần. Đây là **Tịch Trừ Thủ Ấn**

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ किलिकिल रवद्र ॐ ॐ

Úm, chỉ lệ chỉ la, phạ lão nại ra, hồng, phẩn tra

OM KILIKILA RAVADRA (?RAUDRA) HÙM PHAT

Ấn Tướng: Tay phải búng ngón tay 3 lần

_ Lại Pháp **Hộ Thân**: Dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn để kết Thập Phương

Ấn. **Hộ Thân Chân Ngôn**:

ॐ शकिल संमय ॐ

Úm, thương ca lệ, tam mãn diễm, soa ha

(Đây là Hộ Thân Kết Giới Chân Ngôn)

OM 'SAKARA (?SAMKARE) SAMMAYAM (?SAMAYE) SVÀHÀ

Ấn Tướng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở gọi là Phạ Nhật Ra Ấn (Vajra: Kim Cang Tam Cổ Ấn) dùng kết phương trên, phương dưới và 8 phương giới dùng để Hộ Thân

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Dùng Ấn ở Thân của mình, nước, đất, các vật thành sạch sẽ thanh tịnh.

ॐ किलिकिल वज्र ॐ ॐ

Úm, chỉ li chỉ li , phạ nhật ra, hồng, phấn tra

OM KILIKILI (?KILIKILA) VAJRA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông , 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uế. Đây là **Khử Cấu Ấn** (Ấn trừ bụi dơ)

_ Lại dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn làm thanh tịnh

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, am mật lật đế, hồng, phấn tra

OM AMMRTA (?AMRTE) HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải nắm lại thành quyền, lấy nước tụng 7 biến dùng rưới vẩy trên các vật và trên đỉnh khiến được sạch sẽ.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Dùng **Quang Trạch Chân Ngôn**:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, nhập phạ ra, nhập phạ ra dã, phạ nạp rị, soa ha

OM JVALA JVALAYA BADHRRI (?BANDHURI) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón út, dựng đứng 3 ngón kia hở kẽ tay, duỗi cánh tay. Tay phải cũng kết Ấn này nâng cùi chỏ tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật và trên thân tức thành Quang Trạch (Sáng bóng loáng)

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn quậy nước

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, hồng, hạ năng, phạ nhật ra, phạ nhật lệ nĩa, ha

OM HÙM HANA VAJRI VAJRENA HÀ

Ấn Tượng: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài, co các ngón nơi 2 lưng bàn tay, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, 2 ngón trở co đầu chạm móng nhau. Đây là **Ấn Quậy nước**

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn, lấy đất xoa thân. Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, bộ ra nhạ phạ ra, hồng

OM BHÙR JVARA (?BHÙR JALA) HÙM

Ấn Tượng: Lấy đất hòa nước. Hai tay ngón cái đè móng ngón út, các ngón kia mở, 2 tay dựa vào nhau. Lấy tay phải xoa khắp thân. Đây là **Thủ Địa Đồ Thần Ấn** (Ấn lấy đất xoa thân)

_ Lại Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn. Tụng **Thủy Chân Ngôn**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, a mật lật đế, hồng, phấn tra (7 biến)

OM AMRTE HÙM PHAT

Ấn Tượng: Trước duỗi tay phải ngang bằng, co ngón giữa ngón vô danh đè móng ngón cái, co ngón trở và ngón út để bên ngón giữa và ngón vô danh, trì tụng Chân Ngôn. Đây là **Ấn Quậy nước** và **tắm gội**

_ Lại Chân Ngôn và Thủ Ấn khiến trừ Tỳ Na Dạ Ca (Vinayàka: Loài gây chướng nạn) trong thân. Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृग हन हन हं हं

Úm, a mật lật để, hạ năng hạ năng, hồng, phấn tra

OM AMṚTE HANA HANA HUM PHAT

Ấn Tượng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, mỗi mỗi đều nắm thành quyền, duỗi 2 ngón trỏ cùng cái chéo nhau nhập vào trong hổ khẩu, dùng Ấn để từ đánh kéo xuống dưới chân rồi tách ra. Đây là Ấn **Khiển trừ Tỳ Na Dạ Ca trong thân**

_ Lại dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn hộ 5 chỗ trên thân

ॐ वज्रग वरपय हं

Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nễ bát đa dã, soa ha

OM VAJRAGA (?VAJRA AGNI) PRADAPTÀYA (?PRADIPTÀYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai ngón út cái chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đờ 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trỏ bên lóng trên của ngón giữa cách nhau một hạt lúa, dựng thẳng 2 ngón cái dựa bên ngón giữa, ấn chạm 5 chỗ tức thành Hộ Thân.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn , trì tụng mỗi mỗi phần đất

ॐ वृष वृष ऋयवृष वृषवृष हं

Úm, độ tỷ độ tỷ, ca dã độ tỷ, bát ra nhĩ phạ lý ninh, soa ha (3 biến)

OM DHRPI DHRPI KÀYADHRVI (?DHÙPE DHÙPE KÀYADHÙPE) PRAJVALINI SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai tay ngón trỏ và ngón út đều dựa nhau, co 2 ngón giữa 2 ngón vô danh trong lòng bàn tay. Hai tay đối lũng nhưng không chạm nhau , 2 ngón cái đầu chạm nhau. Ở chỗ để 3 cựa đất, lấy một cựa, dùng Ấn ấn đất, tụng 3 biến, chà từ chân đến rốn rồi chà tay, dùng nước rửa sạch, thứ hai thứ ba cũng vậy, chà và rửa sạch. Lại lấy cục thứ hai, như trên trì tụng 3 biến chà từ rốn đến cổ. Lại lấy cục thứ ba, như trên trì tụng, chà từ cổ đến đánh. Xong rồi lại tụng Chân Ngôn, tác Thủ Ấn và tẩm gọi. Lại tác Ấn và tụng Chân Ngôn chà khắp thân rồi xả Ấn ở trái tim. Đây gọi là **Bị Giáp Ấn**, tụng Thổ Ấn

_ Lại Quân Trà Lợi Căn Bản Chân Ngôn. Dùng tay quậy nước, tùy ý tẩm gọi

ॐ ऋमृग वृष वृष ऋयवृष वृषवृष हं
मनपगय नम वज्र वरपय वृषवृष वृष वृष हं
ॐ वृष ऋमृ मृमृ वृष पृषु पृषु हं ॐ
ॐमृग वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष
वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष
वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष
वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष

वज्रम मत् खयय खययं खयय मत् खयय
खयययययं ॐ ॐ कः कः खययय मत्

Na mô ra đất nằng đất ra dạ dã

Na mang thất chiến nũa phạ nhật ra trì nĩnh duệ, ma ha dực khất sa, tế nằng bát đa duệ

Na mô phạ nhật ra cu lộ đà dã, bát ra nha phạ lý đa, nễ bát đa, nằng sắt tra rô đắc ca tra bà dã, bội ra phạ dã, a tỷ, măn ta ra, phạ nhật ra, bát ra thâu, ba xã, hạ ta gia dã .

Đát điệt dã tha: Úm, a mặt lật đa quân noa lý, khư khư khư khư, khư nằng khư nằng khư nằng khư nằng, khư đà khư đà khư đà khư đà, khư tứ khư tứ khư tứ khư tứ, để sắt tra để sắt tra, hạ nằng hạ nằng, noa hạ noa hạ, bát dã bát dã, nghiệt lật hạ nũa nghiệt lật hạ nũa, man đà man đà, nghiệt ra nhạ nghiệt ra nhạ, đát ra nhạ đát ra nhạ, vĩ ta phổ tra dã vĩ ta phổ tra dã, bà già phạm, nằng một lật đa quân nũa lý, mẫu lật bà năm đa nũa dã, phạ nhật lệ nũa , tát ra phạ vi đà na dã, vi na dã kiếm ninh phạ ra dã, ma ha già na bát để, nhĩ vĩ nan đa, ca ra dã , hồng hồng, phẩn tra phẩn tra, cú rô đà căn nằng duệ, soa ha (3 biến)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ ‘SCAṄḌA VAJRAPAṆIYE MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHÀYA PRAJVALITA DIPTA DAMṢṬRATKOTA (?DAMṢṬROTKAṬA) BHAYA BHAIKAVAYA ASI MRṢALA (?MUSARA) VAJRA PARA’SU PA’SÀ (?PÀ’SÀ) HASTA (?HASTÀYA)

TADYATHÀ: OM AMṘTA KUḌOLI (?AMṘTAKUṄḌALI) KHAKHA KHAKHA _ KHANA KHANA _ KHADA KHADA KHADA KHADA _ KHAKI KHAKI KHAKI KHAKI (?KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI)_ TIṢṬA TIṢṬA _ HANA HANA _ DAHA DAHA _ PACA PACA _ GRHAṆA GRHAṆA (?GRHṆA GRHṆA) _ VADDHA VADDHA (?BANDHA BANDHA) _ GARJA GARJA _ TRAJA TRAJA _ VISPHOTAYA VISPHOTAYA _ BHAKHAVAMṆAMṘTAKUTALI (?BHAGAVAN AMṘTAKUṄḌALI) MURITANAMṬANUYA (?MURTA ANTANUYA) VAJRAṆA _ SARVA VIGHNAYA VINAYAKÀṆ (?VINAYÀKA) NIVARAYA _ MAHAKHANAPATI (?MAHÀ GAṆAPATI) JIVITAMṬAKÀRAYA (?JIVITA ANTAKARÀYA) _ HÙM HÙM _ PHAṬ PHAṬ _ KRODHAGNAYE (?KRODHA AGNÀYE) SVÀHÀ

_ Tự Quán Đảnh dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Tự Quán Đảnh Chân Ngôn là:

उं हं खल्लं ॐ कः

Úm, ha , khư lị lị, hồng , phẩn tra

OM HAḤ KHALALA (?KHAKILI) HÙM PHAṬ

Ấn Tượng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh đè trên 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu ngón bên 2 ngón trỏ. Dùng Ấn vốc nước, tụng Chân Ngôn 3 biến tự Quán Đảnh (Tự rưới nước lên đánh đầu của mình)

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tự kết búi tóc

ॐ म(म)ह(ह) ऋ(ऋ) सू(सू) न

Úm, tô tất địa yết li, sa phạ ha

OM SASIDDHI (?SUSIDDHI) KARI SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay phải nắm thành quyền, duỗi thẳng ngón cái, đem ngón trỏ đè trên ngón cái rồi quán lại như hình vái vòng, tụng 3 biến rồi để trên đánh tức thành kết búi tóc

.) Phật Bộ Kết Phát (Cột tóc) Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) ऋ(ऋ) सू(सू) न

Úm, thi kỳ thi khế, soa ha

OM 'SAKHA 'SIGA (? 'SIKHI 'SIKHI) SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) ऋ(ऋ) सू(सू) न

Úm, thi khế, soa ha

OM 'SIKHI SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) ऋ(ऋ) सू(सू) न

Úm, thi khư tá, soa ha

OM 'SIKHASYA SVÀHÀ

_ Phàm tắm gội thời không nên tắm trong nước có bùn do vũng có gai, có trùng, không chảy nước ruộng. Lại không được tiểu tiện trong nước, không lợi giỡn, không được xem chỗ kín và tưởng chỗ kín của phụ nữ với các chỗ khác. Yên lặng mà tắm vì bỏ các cấu bẩn không vì trang nghiêm thân mà tắm

_ Lại hiến 3 vốc nước. Sau khi tắm xong, hướng mặt về nơi Bốn Tôn ngự , quán niệm Bốn Tôn , trì tụng Chân Ngôn và tác Ấn. Dùng Ấn mức nước dâng hiến 3 vốc, tưởng tắm Bốn Tôn và hiến Ủ Già. Hoặc ở trong nước tùy ý niệm tụng hướng về nơi Đạo Tràng

.) Phật Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) ऋ(ऋ) सू(सू) न

Úm, đế ra lệ, phật đà, soa ha (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

OM TERALE BUDDHA SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) ऋ(ऋ) सू(सू) न

Úm, ty ri ty ri, hồng, phẩn tra (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

OM BHIRI BHIRI HÙM PHAT

.) Kim Cang Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) ऋ(ऋ) सू(सू) न

Úm, vi thấp phạ, phạ nhật lệ, soa ha (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

OM VI'SVA VAJRE SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa ngang bằng 2 tay dựa bên cạnh nhau, 2 ngón trở vịn 2 đầu ngón cái, hơi co 6 ngón kia. Dùng Ấn vốc nước, tụng Chân Ngôn 3 lần, dâng rửa Bốn Tôn. Hiến xong tụng Chân Ngôn xả Ấn

_ Dùng A Tam Man Kỳ Ninh Chân Ngôn

ॐ ऎममंनिं ह्रीं क्लं क्लं क्लं

Úm, a tam man kỳ ninh, cật lệ, hồng, phẩn tra

OM ASAMAMGINI HRI HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải để sau lưng tay trái, ở trong không gặp nhau, 2 ngón cái hướng thẳng lên trên, xoay qua trái một vòng Giải Giới

_ Khi đến Đạo Tràng tức là đi đến Đạo Tràng không được khởi sân si và tham dục, chuyên niệm Bốn Tôn mà đi đến. Ở trong Thần Thất không nên bước qua các vật như Khí Trượng, thuốc thang tức là các Pháp Khí như chuông, mõ, tích trượng, các Ấn, hoa héo, thuốc, cây cỏ đều không nên đạp lên. Các hình Tháp, Tôn Tượng, Tỳ Kheo đều không nên đạp lên. Cũng không được cỡi voi, ngựa, lạc đà, dê, lừa... không nên cỡi và thân không được chạm đến. Nếu phạm tức đọa Tam Ma Gia. Cũng không nên khởi tham, sân, si, mạn, trạo cử, kiêu ngạo. Không mang giày dép hoặc đội mũ vào Đạo Tràng. Gặp Tháp, hình tượng Sư Trưởng nên lấy đồ mà che cung kính mới đến Đạo Tràng.

_ Tắm gội sạch sẽ, thay quần áo mới sạch tức là đến đứng ở ngoài cửa Đạo Tràng, rửa tay chân, dùng Thủ Ấn Chân Ngôn đã nói lúc trước. Lại uống nước và Sái Tịnh (rưới vẩy cho trong sạch)

.) Phật Bộ Ấm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn

ॐ म्मं ह्रीं क्लं क्लं

Úm, ma ha nhập phạ la, hồng

OM MAHÀ JVALA HÙM

.) Liên Hoa Bộ Ấm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn

ॐ सुसुले कुं कुं सुं

Úm, đô đô ra, cu rô cu rô, sa phạ ha

OM TUTULA KURU KURU SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Ấm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn

ॐ क्लं क्लं क्लं क्लं

Úm, nhập phạ lệ đa, phạ nhật lệ ni, hồng

OM JVALITA VAJRINI HÙM

Lại nói Phật Bộ Ấm Sái Thủy Thủ Ấn: Ngửa duỗi tay phải, co lỏng giữa ngón vô danh và ngón út vào trong, không chạm lòng bàn tay

Liên Hoa Bộ Ấm Thủy Sái Tịnh Thủ Ấn: Như Phật Bộ Ấn bên trên

Kim Cang Bộ Ấm Thủy Sái Tịnh Thủ Ấn: Như Phật Bộ Ấn bên trên, chỉ mở ngón trở và ngón út

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn rưới vẩy ngoài cửa và quần áo

ॐ वमले स्रन

Úm, vi mãn la, soa ha

OM VIMALI (?VIMALA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay phải nắm thành quyền, lấy nước trì tụng rồi rưới vẩy trên quần áo.

_ Lại dùng Chân Ngôn trì tụng nơi quần áo rồi mặc

ॐ पारव वज्रि हूं

Úm, bát rị phạ ra đa, phạ nhật rị ni, hồng

OM PARIVARTA (?PARIVARTTA) VAJRINI HÙM

_ Vào Thần Thất lễ bái. Hành Giả nhất tâm vào Đạo Tràng. Khi vào Thất rồi, hướng mặt về Bốn Tôn , chắp tay làm lễ. Trước tiên ở trong Thất đặt Tôn Dung của Bốn Tôn , hoặc Tháp hoặc đế Tòa, lễ bái xong thì cúng dường.

Lại bày biện các món cúng dường tức là đốt hương.... 5 thứ Ngũ Tịnh (5 món của con bò) , Thần Tuyền, nhẫn cỏ, tòa ngời, vật Ủ Già, chày Kim Cang, râu chuối, hạt cải trắng, dây lưng. Đây gọi là **Vật Cúng**

Khi vào Thất thời miệng tụng Chân Ngôn bước vào

ॐ ह्रस्व ग ह्रस्व हूं क

Úm, nhập phạ lị đa , lộ giả năng, hồng, phẩn tra (Tụng 7 biến thông cho cả 3 Bộ)

OM JVALATA (?JVALITA) LOCANA HÙM PHAT

_ Lại nên tác Tam Ma Gia Chân Ngôn và Ấn

.) Phật Bộ Chân Ngôn

ॐ गण्डव गण्डव हूं

Úm, đát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha (Tụng 5 biến)

OM TATHAGATA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cạng bàn tay chạm nhau, hơi co lỏng trên của 2 ngón trỏ.

.) Tiếp nói Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ पद्म गण्डव हूं

Úm , bát na mô na bà phạ dã, soa ha (Tụng 5 biến)

OM PADMA DBHAVAYA (?PADMA UDBHAVAYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay. 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co. .) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Ấn

ॐ वज्र गण्डव हूं

Úm, phạ nhật lộ na bà phạ dã, soa ha (Tụng 5 biến)

OM VAJRA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái , ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cổ Kim Cang) .

_ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tịch trừ Tỳ Na Dạ Ca trong thân.
Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृग हन हन हूं ह्रूं

Úm, am mật lạc để, hạ năng hạ năng, hồng, phẩn tra

OM AMMRTE (?AMRTE) HANA HANA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, từ ngón giữa trở xuống nắm lại thành quyền, duỗi 2 ngón trở , phải trái cài chéo nhau nhập vào trong Hổ Khẩu. Dùng Ấn từ trên đánh kéo xuống đến chân

_ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tịch trừ

ॐ वज्रय हूं हन वृन मय वृमय सरय ह्रूं

Năng mô phạ nhật ra dã, hồng, hạ năng, độ năng, mãn tha, vĩ đặc
mộng ta du ra dã, phẩn tra (7 biến)

NAMO VAJRAYA (?VAJRÀYA) _ HÙM _ HANA DHRNA (?DHUNA)
MATHÀ (?MATHA) VIDHVAMŚAYÀ (VIDHVAMŚAYA) SARAYA
(?UDSARÀYA) PHAT

Ấn Tượng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay , ngón giữa và ngón vô danh đè ngón cái , co ngón trở chạm bên lóng giữa của ngón giữa, co ngón út chạm bên lóng giữa của ngón vô danh, duỗi thẳng cánh tay, xoay trên đầu 3 vòng theo bên phải, ấn 5 chỗ trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình chày Kim Canh, chống tay ở hông, Pháp đứng như trước.

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ वज्र ताल हूं ह्रूं

Úm, phạ nhật ra, đa ra, hồng, phẩn tra

OM VAJRA TALA (?TÀRA) HÙM PHAT

Ấn Tượng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần.

_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ किलिकिली राव राव हूं ह्रूं

Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ lão nại ra, hồng, phẩn tra

OM KILIKILI RAVA RAUDRA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải búng ngón tay 3 lần

Tại sao gọi là **Tịch Trừ** ? Tức là hương hoa, y áo, các thứ có nạn phải trừ đi để cho sạch sẽ.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn trừ bỏ dơ bẩn (Khử cấu)

ॐ किलिकिली वज्र हूं ह्रूं

Úm, chỉ rị chỉ rị , phạ nhật ra, hồng, phẩn tra

OM KILIKILI (?KILIKILA) VAJRA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông , 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uest. Đọc **Chỉ rị chỉ rị** (Kili kili) rất mạnh là xua đuổi.

_ Lại làm thanh tịnh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn , làm quyền lấy nước , tụng 7 biến, rưới vẩy các vật khiến được thanh tịnh.

.) Phật Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ ऋ ऌ ॡ

Úm, nhĩ năng, nhĩ ca

OM JINA JIK

.) Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ म्ब्रह्म

Úm, a rô lực ca

OM ALOLIK (?AROLIK)

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ वज्र धृ

Úm, phạ nhật ra, tri lặc ca

OM VAJRA DHRK

_ Lại làm Quang Trạch. Trì tụng Chân Ngôn và tác Ấn, dùng ấn khiến cho các vật thành quang trạch

.) Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ गरु गरु म्ब्रह्म म्ब्रह्म म्ब्रह्म ॐ ह्र

Úm , đế thệ đế nhạ , tử vĩ ninh, tử đế ta đà dã, hồng, phẩn tra (3 lần)

OM TEJE TEJE SIVINI SIDDHE SADHAYA (?SÀDHAYA) HÙM

PHAT

.) Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ दीप दीप दीपय मह म्ब्रह्म

Úm, nễ tử dã nễ tử dã, nễ bí dã, ma ha thất rị duệ, sa phạ ha (3 biến)

OM DÌPYA DÌPYA DIPAYA MAHÀ 'SRYE (?SRÌYE) SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ ज्वा ज्वाय वज्र म्ब्रह्म

Úm, nhập phạ la, nhập phạ la dã, mẫn độ li, sa phạ ha (3 biến)

OM JVALA JVALAYA BÀÐARI (?BANDHURI) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi hở, duỗi cánh tay về phía trước. Tay phải cũng vậy để dưới tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật, tức thành Quang Trạch. Ấn này thông cho cả 3 Bộ.

_ Lại tác Hộ Thân. Kết Minh Vương Thủ Ấn , tụng Chân Ngôn ấn đánh và 5 chỗ , khiến thành hộ thân kiên cố .

ॐ वज्र म्ब्रह्म म्ब्रह्म

Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nễ bát đa dã, soa ha (3 biến)

OM VAJRA GNI(?AGNI) PRADIPTAYA (?PRADIPTÀYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đè 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trở

bên lòng trên của ngón giữa cách nhau một hạt lúa, dựng thẳng 2 ngón cái dựa bên ngón giữa, ấn chạm 5 chỗ tức thành Hộ Thân.

_ Lại tác Đại Hộ Thân Ấn. Tụng Chân Ngôn và tác Thủ Ấn, ấn 5 chỗ thành Đại Hộ Thân

ॐ ह्रीं नमो ह्रीं ह्रीं

Úm, nhập phạ la năng dã, hồng, phấn tra (5 biến)

OM JVARA (?JVALA) NAYA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Như Ấn Hộ Thân bên trên

_ Lại Bị Giáp Chân Ngôn và kết Ấn chà xát trên đánh xuống đến chân thành Bị Giáp (Mặc áo giáp)

ॐ वृष वृष ऋषिवृष वृषि षड

Úm, độ tử độ tử, ca dã độ tử, bát ra nhập phạ lệ ninh, soa ha (3 biến)

OM DHRPI DHRPI KÀYADHRVI (?DHÙPE DHÙPE KÀYADHÙPE) PRAJVARI (? PRAJVALINI) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai tay mở duỗi 10 ngón tay

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tác Kết Kế (Cột búi tóc). Chân Ngôn là:

ॐ सुसिद्धि करि षड

Úm, tô tất địa, yết rị, soa ha

OM SUSIDDHI KARI SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay phải nắm thành quyền, duỗi thẳng ngón cái ấn ở trên đánh. Đây là Ấn kết tóc chung cho cả 3 Bộ.

.) Phạt Bộ Kết Kế Chân Ngôn

नमः शुद्धि करि नमः नमः नमः ॐ सुसिद्धि षड

Na măn sa đát lệ dã địa vĩ ca nan, tát ra phạ đát tha nghiệt đa nan. Úm, tất đà , lộ giả ninh, sa phạ ha (7 biến)

NAMAḤ STREMDHVIKANÀM (?STRIDHVIKANÀM) TATHÀGATANÀM_ OM SIDDHA LOCATE (?LOCANE) SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Kết Kế Chân Ngôn

नमः [वृषवृष नमः पद्मपण्य ॐ कल षड

Na mô ra đát năng đát ra dạ dã. Na măn bát na măn tri nĩnh duệ. Úm, ca lai, soa ha (7 lần)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ PADMAPAṆAYE (?PADMAPÀNIYE)

OM KATA SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Kết Kế Chân Ngôn

नमः [वृषवृष नमः शिव वृषपण्य मन् यरु मन्पण्य नमः कल करि नमः वृषपण्य मन् यरु वृषपण्य षड

Na mô ra đát năng đát ra dạ dã

Na mãn thất chiến noa phạ nhật ra trì ninh duệ, ma ha đực khát sa, tế na bát đa duệ

Na mãn ca la ngật lật đản đa lỗ tử ni, thương ca lệ, phiến đề ca rì, già tra, nễ gia tra đa dã, soa ha (7 lần)

NAMO RATNATRÀYÀYA

NAMAḤ ‘SCAṆḌA VAJRAPAṆAYE MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE

NAMAḤ KALAKRANÀM TARÙPIṆI ‘SAMKALE (?’SAṆKARE) ‘SAMTI (?’SÀNTI) KARI _ GHATA NIGHATA PAṬANIYE SVÀHÀ

Ấn Tướng như trên

_ Lại An để Tòa Bàn: Tùy theo chỗ của Bản Tôn. Trước hết nên quán tưởng nơi phương đó, núi báu trong biển lớn, trên núi tưởng tòa Sư Tử báu. Sau đó quán tưởng lầu gác báu treo các dây lụa, phướng phan, lọng báu có lưới Ma Ni để trang nghiêm. Liên tục quán tưởng, sau đó tụng Chân Ngôn hay làm mỗi chỗ quán tưởng đều thành tựu

_ Thành Tựu Đại Hải Chân Ngôn

ॐ (ॐ) ॐ

Úm, tỳ mãn rô na địa, hồng (3 biến)

OM VIMÀLODATI (?VIMALA UDHADI) HÙM

_ Thành Tựu Bảo Sơn Chân Ngôn

ॐ (ॐ) ॐ

Úm, a giả la, hồng (3 biến)

OM ACALA HÙM

_ Thành Tựu Bảo Sư Tử Tòa Chân Ngôn

ॐ (ॐ) ॐ

Úm, a giả la, vi lê, soa ha (3 biến)

OM ACALA VIRE (?VÌRE) SVÀHÀ

_ Thành Tựu Bảo Liên Hoa Chân Ngôn

ॐ (ॐ) ॐ

Úm, ca man ra, soa ha (3 biến)

OM KAMALA SVÀHÀ

_ Thành Tựu lầu gác báu các thứ trang nghiêm Chân Ngôn

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, năng man tát ra phạ đất tha nghiệt đa năm.

Úm, tát ra phạ tha, khiếm, ô đa nghiệt đế, sa phạ ra, hê mãn ám, già già năng kiếm, soa ha (7 biến)

OM NAMAḤ SARVA TATHÀGATÀNÀM

OM SARVATHÀ KHAM _ UTAKATE (?UDGATE) SPHARA HIMAM GAGANAKÀM SVÀHÀ

Ấn đồng như Biện Chư Sự Ấn

NAMAḤ ‘SCAṆḌA VAJRAPAṆIYE (?VAJRAPÀṆIYE) MAHÀ
YAKṢA SENAPATAYE (?SENAPATÀYE)

OM KULOṆDHARI (?KULANDHÀRI) BANDHA BANDHA HÙM
PHAT

_ Lại nói Bộ Tâm Chân Ngôn

.) Phật Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ ཨྱ ཨྱ ཨྱ

Úm, nhĩ năng, nhĩ ca (7 biến)

OM JINA JIK

.) Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ ལྷ ལྷ ལྷ

Úm, a rô lực ca (7 biến)

OM ALORIK (?AROLIK)

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ འྱ འྱ འྱ

Úm, phạ nhật ra, tri lạc ca (7 biến)

OM VAJRA DHRK

_ Lại nói **Phật Bộ Mẫu Phật Nhãn Ấn Tượng**: Hai tay chấp lại, co 2 ngón cái vào lòng bàn tay, hơi co ngón trở đè ở lưng lóng trên của ngón giữa

_ Lại nói **Liên Hoa Bộ Mẫu Bán Nõa Ra Phạ Tứ Ninh Ấn Tượng**: Chắp tay, 10 ngón đều cong đầu chạm nhau, lòng bàn tay trống rỗng như hoa sen nở, cổ tay dính nhau

_ Lại nói **Kim Cang Bộ Mẫu Mang Mãng Kê Ấn Tượng**: Chắp tay co 2 ngón trở và ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lưng ngón dựa nhau, dựng thẳng 6 ngón kia chạm nhau

_ Lại nói **Phật Bộ Tâm Ấn Tượng**: 8 ngón cài chéo nhau trong lòng bàn tay, lóng giữa của 8 ngón lòi ra, gượng thẳng 2 ngón cái sao cho đầu ngón không chạm nhau

_ Lại nói **Liên Hoa Bộ Tâm Ấn Tượng**: Y như Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ đổi lại, co ngón cái trái vào lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái phải

_ Lại nói **Kim Cang Bộ Tâm Ấn Tượng**: Y như Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ đổi lại, co ngón cái phải vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái trái

_ **Pháp Ú Già** : Tùy theo Bộ tương ứng và sự thành tựu, đủ như trong Kinh nói. Khi dâng hiến thời dùng Bốn Chân Ngôn trì tụng mà hiến dâng

_ Lại **Phụng Thỉnh Bốn Tôn** : Hành Giả tùy theo chỗ tác Pháp. Trước tiên tưởng Tòa xong, lại dùng Chân Ngôn Thủ Ấn

_ Thành tựu Xa Lộ phụng tống Bốn Tôn

.) Xa Lộ Chân Ngôn

ॐ འྱ འྱ འྱ འྱ འྱ

Úm, đở rô đở rô , hồng (3 biến, thông cho cả 3 Bộ)

OM TURU TURU HÙM

Úm, tô tất địa ca li, nhập phạ li đa, nãim đa mộ ra đa duệ, nhập phạ ra nhập phạ ra, mãn đà mãn đà, hạ năng hạ năng, hồng, phấn tra

OM SUSIDDHI KARI _ JVALATANÀMTAMRRTTAYE (? JVALITA ANANTA MURTTÀYE) JVALA JVALA BANDHA BANDHA HANA HANA HÙM PHAT

_ Kim Cang Bộ Tịnh Trì Đạo Lộ Chân Ngôn thông cho cả 3 Bộ

.) Phật Bộ Tịnh Trì Đạo Lộ Chân Ngôn

ॐ ह्रीं ह्रूं

Úm, nhập phạ ra, hổ hồng

OM JVALA HÙM

.) Liên Hoa Bộ Tịnh Trì Đạo Lộ Chân Ngôn

ॐ पद्मं नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य नमस्कृत्य

Úm, bát na ma ninh, bà già phạ để, mộ ha dã, mộ ha dã, nhạ nghiệt mộ hạ ninh, soa ha

OM PADMANE (?PADMINI) BHAGAVATI MOHAYA MOHAYA JAGAR MOHANI SVÀHÀ

_ Tác Pháp này xong thời trong không trung , chướng nạn đều trừ sạch sẽ, thành Kính Giác Bốn Tôn

Trước tiên tác **Phụng Thỉnh Ấn** , tụng câu này một biến, lại nên tụng Phụng Thỉnh Chân Ngôn

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

Ê hê duệ hê, bà già phạm, ninh ha , bặc để dạ năng, ta man duệ năng giả, ứ gia kiện dã, tam bát la để thệ nam, bố nhạ giá nại nễ dã, bát la hê na dương (Chung cho phụng thỉnh 3 Bộ)

EBHYEHI (?EHYEHI) BHAGAVAM NIHA BHAKTYANA SAMAYE NACA ARGHA CA SAMPRATISEDAM PÙJA CADADYA PRAHIDAME

Tùy theo Tòa Ngồi của Bốn Tôn, các tướng hoan hỷ , phẫn nộ cho đến Hành Giả tưởng tượng mạo tướng ứng mà thỉnh Bốn Tôn

TÔ TẮT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)

Thiên Hỷ năm thứ ba, tháng chín, ngày mồng bảy chép xong
Bốn của Tăng Bình Nguyên